

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN QUỲNH LƯU  
TỈNH NGHỆ AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 42/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 22/6/2022

V/v: “Ly hôn, tranh chấp nuôi con”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUỲNH LƯU, TỈNH NGHỆ AN**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Trần Thị Nghệ

*Các hội thẩm nhân dân:* Bà Vũ Thị Thịnh và ông Đậu Cao Nhu

***Thư ký phiên tòa:*** Bà Trần Thị Mỹ Linh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An tham gia phiên tòa:*** Bà Vũ Thị Thùy Trang - Kiểm sát viên.

Trong ngày 22 tháng 6 năm 2022, tại trụ sở tòa án nhân dân huyện Quỳnh Lưu xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 104/2022/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 4 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 71/2022/QĐXXST - HNGĐ ngày 10 tháng 6 năm 2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1986. Có mặt.

ĐKHKT: Thôn A, xã N, huyện Q, tỉnh Nghệ An.

Chỗ ở hiện nay: Xóm Đ, xã T, huyện Y, tỉnh Nghệ An.

Bị đơn: Anh Nguyễn Đình T2, sinh năm 1984. Vắng mặt.

Nơi cư trú: Thôn A, xã N, huyện Q, tỉnh Nghệ An.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện đề ngày 04/4/2022, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn chị Nguyễn Thị T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Đình T2 đăng ký kết hôn vào ngày 01/12/2004 tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện Q, tỉnh Nghệ An. Kết hôn trên cơ sở tự nguyện. Quá trình chung sống anh T2 uống rượu say về chửi xúc phạm chị nhiều lần. Mẫu thuẫn căng thẳng nhất vào ngày 15/3/2022 vợ chồng có va chạm anh T2 xúc phạm và bắt chị viết đơn ly hôn sau đó anh ký và chụp lên mạng xã hội Facebook. Chị bị xúc phạm nhiều lần, cảm thấy hôn nhân không có hạnh phúc nên ngày 16/3/2022 chị bỏ về nhà ngoại ở Y và vợ chồng sống ly thân từ đó cho đến nay. Nay tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, chị T xin ly hôn anh Nguyễn Đình T2.

Về con chung: Vợ chồng có 04 con chung là Nguyễn Đình V, sinh ngày 12/4/2005; Nguyễn Thị Yến T, sinh ngày 05/4/2011; Nguyễn Thị Yến N, sinh ngày 03/4/2017 và Nguyễn Đình L, sinh ngày 31/8/2020. Ly hôn chị T xin được nuôi hai con chung là Nguyễn Thị Yến T và Nguyễn Đình L; nhường anh T2 trực tiếp nuôi hai con chung là Nguyễn Đình V và Nguyễn Thị Yến N. Chị không yêu cầu anh T2 cấp dưỡng nuôi con

Về tài sản chung: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai, biên bản hòa giải anh Nguyễn Đình T2 trình bày: Anh thống nhất với lời trình bày của chị Nguyễn Thị T về thời gian, địa điểm, điều kiện đăng ký kết hôn. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc. Đến ngày 14/3/2022 vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do con trai là Nguyễn Đình V ăn chơi, thường xuyên lấy trộm tiền của anh đi chơi, khi biết được thì anh tức giận chửi con và có vài lời xúc phạm chị T, chị T bỏ về ngoại ở Y và vợ chồng sống ly thân từ đó cho đến nay. Thời gian chị T về nhà ngoại ở thì anh cũng mang con về Y ở, anh và gia đình bên ngoại khuyên bàn hòa giải với chị T nhiều lần nhưng chị T không đồng ý và tránh mặt anh. Nay chị T yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn thì anh không đồng ý, vì anh còn tình cảm với chị T. Anh có nguyện vọng vợ chồng đoàn tụ để nuôi dạy con cái trưởng thành.

Về con chung: Anh thống nhất như lời trình bày của chị T về họ tên ngày tháng năm sinh của con chung. Ly hôn anh có nguyện vọng xin nuôi cả 04 con chung. Anh T2 không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản: Anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Cháu Nguyễn Thị Yến T trình bày nguyện vọng xin được ở với mẹ là chị Nguyễn Thị T.

Cháu Nguyễn Đình V hiện nay không có mặt tại địa phương, cháu V đang đi làm ở Bình Dương, không cung cấp địa chỉ cụ thể. Vì vậy Tòa án không lấy được lời khai trình bày nguyện vọng của cháu V.

Kết quả xác minh tại UBND xã N: Anh Nguyễn Đình T2 hiện nay đang có hộ khẩu thường trú tại thôn A, xã N, huyện Q, tỉnh Nghệ An, nay anh T đang có mặt tại địa phương. Cuộc sống hôn nhân giữa chị T và anh T2 có xảy ra mâu thuẫn như thế nào địa phương không nắm rõ vì không qua hòa giải tại cơ sở. Chị T và anh T2 có 04 con chung là Nguyễn Đình V, sinh ngày 12/4/2005; Nguyễn Thị Yến T, sinh ngày 05/4/2011; Nguyễn Thị Yến N, sinh ngày 03/4/2017 và Nguyễn Đình L, sinh ngày 31/8/2020. Chị T xin được ly hôn anh T2 và tranh chấp nuôi con thì đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Về con chung: đề nghị Tòa án giao cho mỗi người nuôi hai con để đảm bảo cuộc sống và việc nuôi dưỡng chăm sóc cho các cháu. Chị T, anh T2 là lao động tự do không nắm được thu nhập thực tế cụ thể bao nhiêu, theo báo cáo kinh tế xã hội thu nhập bình quân mỗi tháng của lao động tự do tại xã Ngọc Sơn là 3.700.000đ/người/tháng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳnh Lưu phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật từ khi thụ lý, thu thập chứng cứ, tổng đạt văn bản và tại phiên tòa Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký đã tuân theo pháp luật tố tụng dân sự; Nguyên đơn đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình quy định tại Điều 70, 71 BLTTDS. Bị đơn không có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án tại phiên hòa giải ngày 13/5/2022 và phiên tòa lần thứ nhất là không thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình quy định tại Điều 70, 72 BLTTDS.

Về nội dung: Áp dụng các Điều 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016.

Về tình cảm: Cho chị Nguyễn Thị T được ly hôn anh Nguyễn Đình T2.

Về con chung: Giao con chung là Nguyễn Thị Yến T và Nguyễn Đình L cho chị Nguyễn Thị T trực tiếp nuôi dưỡng.

Giao con chung là Nguyễn Đình V và Nguyễn Thị Yến N cho anh Nguyễn Đình T2 trực tiếp nuôi dưỡng.

Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau vì không ai yêu cầu.

Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có tại hồ sơ, được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định.

#### **[1] Về tố tụng:**

[1.1] Chị Nguyễn Thị T có đơn đề nghị Tòa án giải quyết việc ly hôn với anh Nguyễn Đình T2, có nguyện vọng nuôi con chung, đây là vụ án “Ly hôn, tranh chấp nuôi con”. Anh Nguyễn Đình T2 có hộ khẩu thường trú tại thôn A, xã N, huyện Q, tỉnh Nghệ An. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An.

[1.2] Về việc xét xử vắng mặt: Bị đơn đã được Tổng đạt hợp lệ quyết định đưa vụ án ra xét xử lần thứ nhất, quyết định hoãn phiên tòa, quyết định đưa vụ án ra xét xử lần thứ hai nhưng đều vắng mặt không có lý do. Vì vậy, căn cứ vào khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

#### **[2] Về nội dung:**

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Đình T2 là hợp pháp, tuân thủ các điều kiện kết hôn theo quy định của pháp luật. Quá trình chung sống giữa chị T và anh T2 xảy ra mâu thuẫn dẫn đến hôn nhân không hạnh phúc. Chị T thấy tình cảm vợ chồng không còn nên xin ly hôn anh T2, anh T2 không đồng ý ly hôn, anh xin đoàn tụ để xây dựng hạnh phúc gia đình. Tuy nhiên vợ chồng đã sống ly thân, chị T nhất quyết ly hôn, mâu thuẫn vợ chồng cũng được hai bên gia đình hòa giải nhưng chị T tránh mặt và không đồng ý. Điều đó chứng tỏ tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó cần áp dụng Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 cho chị Nguyễn Thị T được ly hôn anh Nguyễn Đình T2.

[2.2] Về con chung: Nguyện vọng xin được nuôi con của chị T và anh T2 là chính đáng. Tuy nhiên để một người nuôi cả bốn con chung sẽ khó khăn về điều kiện kinh tế và không đảm bảo cho việc chăm sóc, nuôi dưỡng cho các con, vì vậy nên để mỗi người nuôi hai con chung. Cháu Nguyễn Thị Yến T có nguyện vọng xin được ở với mẹ, theo quy định tại khoản 3 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình giao cháu Nguyễn Đình L dưới 36 tháng tuổi, vì thế nên giao cháu T và cháu L cho chị T trực

tiếp nuôi dưỡng. Theo giải đáp số 01/GĐ-TANDTC ngày 05/01/2018 của Tòa án nhân dân Tối cao thì việc không lấy được lời khai của các con không phải là căn cứ để đình chỉ hay tạm đình chỉ giải quyết vụ án dân sự. Do vậy, Tòa án giải quyết theo thủ tục chung và căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con để xem xét, quyết định người trực tiếp nuôi dưỡng con. Nguyễn Đình V hiện nay đã lớn, tự sinh hoạt, đủ độ tuổi lao động có thể tự chăm sóc cho bản thân. Nghĩ nên giao cháu V và yến N cho anh T2 trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp.

[2.3] Về tài sản: Không ai yêu cầu giải quyết nên miễn xét.

[3] Về án phí: Chị T2 phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

*Bởi các lẽ trên:*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; khoản 2 Điều 227; Khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ vào Điều 51; Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật hôn nhân gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị T.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Nguyễn Thị T được ly hôn anh Nguyễn Đình T.

2. Về con chung: Giao con chung là Nguyễn Thị Yến T, sinh ngày 05/4/2011 và Nguyễn Đình L, sinh ngày 31/8/2020 cho chị Nguyễn Thị T trực tiếp nuôi dưỡng.

Giao con chung là Nguyễn Đình V, sinh ngày 12/4/2005 và Nguyễn Thị Yến N, sinh ngày 03/4/2017 cho anh Nguyễn Đình T2 trực tiếp nuôi dưỡng.

Tạm hoãn việc đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung cho anh Nguyễn Đình T2 và chị Nguyễn Thị T do anh T2 và chị T chưa yêu cầu.

Anh 2, chị T có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản: Không ai yêu cầu giải quyết nên miễn xét.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị T phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm. Được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) chị T đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Quỳnh Lưu theo biên lai số 0007682 ngày 06/4/2022.

5. Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự

6. Quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị T có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, anh Nguyễn Đình T2 có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản sao bản án lên Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An.

**Nơi nhận:**

- VKSND huyện Quỳnh Lưu;
- VKSND tỉnh Nghệ An;
- TAND tỉnh Nghệ An;
- Chi cục THADS huyện Quỳnh Lưu;
- UBND xã N (ĐKKH 2004);
- Dương sự;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trần Thị Nghệ**